TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TP
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24-3-2021
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Phúc
2. Bà Trần Thị Thu Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Chung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP, tỉnh Tiền Giang *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 286/2020/TB-TLVA ngày 19 tháng 11 năm 2020 về "tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1972
Địa chỉ: ấp TV, xã THTh, huyện TP, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Chị Châu Thị H, sinh năm 1960
Địa chỉ: ấp TV, xã THTh, huyện TP, tỉnh Tiền Giang.

(anh Tr có mặt, chị H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và bản khai ngày 13 tháng 11 năm 2020 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Tr trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Châu Thị H tự nguyện chung sống từ năm 1992, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc

đến khoảng đầu năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên cự cãi. Anh bị bệnh nằm viện điều trị 04 tháng chị H bỏ mặc không chăm sóc anh. Sau đó, chị H bỏ đi và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2020 cho đến nay. Nay, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh chị chung sống có 03 con chung tên là Nguyễn Quang T sinh năm 1993, Nguyễn Thị Th sinh năm 1994 và Nguyễn Thị G sinh ngày 19/4/2004. Hiện cháu T và cháu Th đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh đồng ý giao cháu G cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 28 tháng 01 năm 2021, bị đơn chị Châu Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Tr tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1992, không có đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống đến khoảng năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi vả nguyên nhân do anh Tr không lo làm ăn. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay, anh Tr xin ly hôn, chị đồng ý. Anh chị có có 03 con chung như anh Tr trình bày. Hiện cháu T và cháu Th đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị đồng ý nuôi cháu G và không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa như sau: Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Châu Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Tr và bị đơn chị Châu Thị H trình bày thống nhất với nhau như sau: Anh Nguyễn Văn Tr và chị Châu Thị H tự nguyện chung sống từ năm 1992, được mọi người công

nhận là vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Anh Tr và chị H chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, chị H bỏ đi và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2020 đến nay. Lời trình bày của các đương sự là phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết các đương sự trình bày nêu trên là sự thật.

[2.1.2] Như vậy, anh Tr và chị H có đủ điều kiện kết hôn, tự nguyện chung sống với nhau nhưng đã không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 8, 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn Tr và chị Châu Thị H.

[2.2] Về con chung: Anh Nguyễn Văn Tr và chị Châu Thị H thống nhất có 03 con chung tên Nguyễn Quang T sinh năm 1993, Nguyễn Thị Th sinh năm 1994 và Nguyễn Thị G sinh ngày 19/4/2004. Hiện cháu T và cháu Th đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Tr yêu cầu giao cháu G cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chị Giàu đồng ý. Xét thấy, trong thời gian anh Tr và chị H sống ly thân, chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm lo về mọi mặt cho cháu G. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong sinh hoạt và sự phát triển bình thường của cháu G và có xét đến nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ của cháu G, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giao cháu G cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Như nhận định trên, chị H là người được trực tiếp nuôi dưỡng con chung có đủ điều kiện nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, anh Tr cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Tr và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản chung nên căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về quan hệ tài sản chung.

[3] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, anh Nguyễn Văn Tr phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 14, 53, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn Tr.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn Tr và chị Châu Thị H.

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn Tr và chị Châu Thị H có 03 con chung tên Nguyễn Quang T sinh năm 1993, Nguyễn Thị Th sinh năm 1994 và Nguyễn Thị G sinh ngày 19/4/2004. Hiện cháu T và cháu Th đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao cháu Nguyễn Thị G cho chị Nguyễn Thị Hạnh trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn Tr không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Văn Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn Tr phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn Tr đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 20776 ngày 19/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP, Tiền Giang nên xem như nộp xong án phí.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG;
- VKSND h. TP - TG;
- THADS h.TP - TG;
- UBND x. THTh – TP – TG;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Huỳnh Trúc